

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CỦA D.DIDEROT

LƯƠNG MỸ VÂN (*)

Mặc dù không thuộc trường phái đạo đức học (*moralistes*), nhưng Diderot - nhà triết học tiêu biểu của trào lưu Khai sáng Pháp - đã để lại nhiều tư tưởng đạo đức đặc sắc và có vai trò gợi mở rất lớn cho các suy tư đạo đức sau này. Đó là tư tưởng về nguồn gốc của đạo đức, các phạm trù đạo đức đặc trưng (lòng đam mê, sự nhiệt tình, hạnh phúc, đức hạnh), và quan điểm về những tác động của xã hội đối với đạo đức. Cùng với các nhà triết học khác cùng thời, Diderot đã góp phần không nhỏ trong việc tạo dựng tư tưởng triết học đạo đức Khai sáng Pháp, một trong những thời kỳ quan trọng của lịch sử triết học đạo đức phương Tây.

Denis Diderot (1713-1784) là một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu của triết học Khai sáng Pháp, người đứng đầu phái Bách khoa toàn thư. Tư tưởng của Diderot - cũng như của các nhà Khai sáng Pháp nói chung - hiện đang nhận được sự "quan tâm" trở lại trong giới nghiên cứu triết học. Sau một thời gian dài chịu ảnh hưởng của những đấu tranh về mặt lý luận chính trị, giờ đây, người ta lại tìm thấy trong tư tưởng của các nhà Khai sáng nói chung và tư tưởng của Diderot nói riêng một suối nguồn mới mẻ cho những suy tư hiện đại.

Về nền tảng thế giới quan của Diderot, nổi bật nhất là tính chất duy vật, vô thần và duy lý rõ nét. "Điểm xuất phát của triết học Diderot là sự thừa nhận tính vật chất của thế giới"(1). Những quan điểm duy vật của Diderot được phân tích rất kỹ trong các sách giáo khoa triết học và các tác phẩm chuyên luận của nhiều tác giả ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, như những tư tưởng về vật chất, vận động, về quan hệ giữa linh hồn và thể xác, những quan niệm trong lĩnh vực lý luận nhận

thức, v.v..(2) Ông là một nhà duy vật kiên định và có óc duy lý sắc sảo. Với nền tảng thế giới quan như vậy, những quan điểm của Diderot trong lĩnh vực đạo đức cũng mang tính duy vật, thế tục và duy lý.

1. Về nguồn gốc của đạo đức

Quan niệm phổ biến ở châu Âu trước thời kỳ Khai sáng coi đạo đức có nguồn gốc từ Chúa Trời - nguồn gốc tôn giáo. Điều này được lý giải một cách đơn giản: nếu con người là tạo vật của Chúa, có nguồn gốc từ sự sáng tạo thần thánh, thì đạo đức - vấn đề đặc biệt người - đương nhiên phải xuất phát từ Chúa. Toàn bộ các vấn đề đạo đức đều gắn liền một cách chặt chẽ với các giáo lý tôn giáo. Tất nhiên không phải đến tận thời Diderot, người ta mới tìm cách gỡ đạo đức ra khỏi thần học. Việc làm này đã được thực hiện

(*) Thạc sĩ, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô. *Lịch sử triết học. Triết học Khai sáng từ đầu thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1962, tr.127.

(2) Xem: Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô. *Sđđ.*, tr.135.

bởi những nhà vô thần của thời kỳ đầu Cận đại, điển hình là Spinoza. Cho đến thế kỷ XVIII, châu Âu đã có vài thế kỷ đấu tranh nhằm đưa đạo đức thoát khỏi những ràng buộc tôn giáo. Tham gia vào việc luận chứng cho nguồn gốc phi tôn giáo của đạo đức, Diderot có ít nhất hai xuất phát điểm quan trọng: những điều “mắt thấy tai nghe”, từ thực tế cuộc sống tôn giáo đương thời và những quan niệm siêu hình học của ông.

Đương thời Diderot, tôn giáo vẫn có một địa vị đặc biệt trong xã hội, mà thực tế “ba đẳng cấp” là một minh chứng quá rõ ràng. Nhưng đời sống tôn giáo, do ảnh hưởng của những đảo lộn mạnh mẽ của xã hội, đã bộc lộ tính chất đạo đức giả của nó. Trong không ít các tác phẩm của Diderot, đặc biệt trong *Nữ tu sĩ*, ta thấy những nhân vật thấy tu biến chất, những hoạt động phi nhân tính diễn ra trong những nhà tu kín - nơi ở của các con chiên được coi là hiến dâng đời mình phụng sự đức Chúa Trời(3). Trong cái nhìn của Diderot, nhà thờ, nơi truyền bá thứ đạo đức bắt nguồn từ Thiên Chúa, đã thể hiện tính chất phản đạo đức của nó – ít nhất là trong thời kỳ ấy. Điều này dẫn đến hai hệ quả: sự xác thực và tính thẩm quyền của những chuẩn mực đạo đức mang tính tôn giáo bị nghi ngờ; sâu xa hơn, đạo đức có thể không phải xuất phát từ Chúa Trời và mang bản chất thánh thần.

Những bằng chứng thực tế càng khẳng định cho sự phản đối của Diderot đối với quan điểm về nguồn gốc tôn giáo của đạo đức. Sự phản đối này bắt nguồn sâu xa từ những quan điểm thế giới quan, xuyên suốt các quan điểm về nhân sinh của ông. Khởi đầu của triết học Diderot là sự

khẳng định tính vật chất của thế giới: “thế giới là một toàn thể vật chất. Tự nhiên quy tụ lại chỉ là một thực thể vật chất (...). Vật chất, không trống rỗng, được tạo thành từ những phân tử không đồng nhất (không có hai phân tử giống hệt nhau). Sự vận động là hoàn toàn mang tính vật chất, nghĩa là nó tự vận động mà không cần đến một xung động thần thánh nào cả”(4). Thế giới hữu cơ có nguồn gốc từ và có mối quan hệ chặt chẽ với thế giới vô cơ. Con người về mặt sinh học cũng là một mắt xích trong tự nhiên vô tận. Ý thức của con người phụ thuộc vào thể xác của nó: “Sức khoẻ tốt xấu ảnh hưởng đến triết học của chúng ta”, trong *Thư gửi Vialet*, Diderot đã viết như vậy. Có thể thấy qua đó, vai trò của các lực lượng siêu nhiên bị loại bỏ. Thế giới tự nhiên và con người có thể tự “xoay sở” mà không cần đến thần thánh. Và khi các lực lượng siêu nhiên không còn lý do để tồn tại, thì thứ đạo đức bắt nguồn từ những lực lượng ấy cũng không thể còn nữa.

Khi bác bỏ nguồn gốc tôn giáo của đạo đức, Diderot đã có cơ sở để xây dựng một quan niệm khác, tự nhiên chủ nghĩa (trong trường hợp này, có nghĩa là duy vật chủ nghĩa(5)) về nguồn gốc của đạo

(3) Xem: A.F.Prévost, D.Diderot, P.Mérimée. *Bảy truyện ngắn hay của Pháp*, t.1. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999, tr.350-352.

(4) Colette Kouadio. *Diderot*. <http://sos.philosophie.free.fr/diderot.php>

(5) Trong *Bách khoa toàn thư*, Diderot đã nói về sự tương đồng giữa “người theo chủ nghĩa tự nhiên” và “người duy vật” như sau: “Người ta cũng dùng từ người theo chủ nghĩa tự nhiên để chỉ những người không tin vào Chúa, mà tin rằng chỉ có một thực thể vật chất, có vô vàn những thuộc tính quan trọng như độ dài, rộng, sâu, và theo đúng những thuộc tính đó mà hoạt động y như chúng ta nhìn thấy trong tự nhiên; người theo chủ nghĩa tự nhiên như vậy đồng nghĩa với vô thần, theo quan điểm của Spinoza, người theo chủ nghĩa duy vật, v.v.”

đức. Do đạo đức là vấn đề thuộc về con người, nên con người sinh ra từ đâu thì các vấn đề đạo đức bắt đầu từ đó, con người mang bản chất nào thì đạo đức được xây dựng trên nền tảng đó.

Như trên đã nói, Diderot quan niệm rằng con người là một bộ phận của chuỗi tiến hoá tự nhiên (“chuỗi vật thể” – chaîne des êtres – như cách dùng từ của ông), con người thuộc về tự nhiên, có nguồn gốc từ tự nhiên, có bản chất tự nhiên: “chúng ta là một bộ phận kết dính của một chuỗi vĩ đại những nguyên nhân và kết quả, và không phải là “nguyên nhân đầu tiên” – theo nghĩa là thứ không được tạo ra từ nguyên nhân nào khác”(6). Như vậy, đạo đức dựa trên cơ sở bản chất tự nhiên của con người. Những chuẩn mực đạo đức, những đánh giá đạo đức, các quan hệ đạo đức phải tuân theo cơ sở ấy. Để biết một sự việc, một vật trong quan hệ với con người là tốt hay xấu, là thiện hay ác, v.v., phải từ bản chất tự nhiên của con người mà phán xét. Đây cũng là quan điểm phổ biến của các nhà Khai sáng thế kỷ XVIII – lấy bản chất tự nhiên của con người làm điểm tựa xem xét các vấn đề xã hội và nhân sinh.

Loại bỏ tính chất thần thánh ở nguồn gốc của đạo đức, Diderot cùng với các nhà Khai sáng khác đã đưa đạo đức trở lại vị trí là lĩnh vực ý thức xã hội của con người, thuộc về con người có bản tính tự nhiên. Từ đó, các vấn đề đạo đức được quan niệm theo cách thức khác với những quan niệm đạo đức học trước đó, trong thời kỳ Trung cổ.

2. Quan niệm về sự say mê

Một trong những phạm trù chủ chốt trong suy tư đạo đức của Diderot là phạm

trù “say mê” (passion). Chỉ riêng điều này đã cho thấy tính chất tự nhiên chủ nghĩa rõ rệt trong tư tưởng đạo đức của ông. Cũng cần nói thêm rằng, đây là quan điểm không chỉ có trong tư tưởng của Diderot, mà cả trong một số nhà Khai sáng khác.

Vấn đề về sự say mê, giống như những vấn đề khác thuộc lĩnh vực đạo đức trong triết học Diderot, cũng xuất phát từ những quan niệm “siêu hình học”. Theo Diderot, thế giới là có tính vật chất, không có gì ngoài vật chất đang tồn tại và vận động. Quan điểm duy vật này đòi hỏi người theo nó phải chứng minh được vấn đề vận động một cách duy vật – nếu không có thần thánh, thì cái gì sẽ khiến thế giới vận động, hay nói cách khác, vận động phát sinh từ đâu, cái gì tạo nên sự chuyển động, sự biến hoá, sự đa dạng không cùng của thế giới? Diderot không né tránh vấn đề này. Theo ông, vận động không thể tách rời vật chất: “thật là vô lý khi nói rằng vật chất có sự đối lập thực tế với vận động”(7). Ông khẳng định: “Nguyên tử làm cho thế giới chuyển động; không có gì đúng hơn nguyên lý ấy, điều đó cũng đúng như nguyên lý cho rằng nguyên tử là do thế giới làm cho chuyển động; vì nguyên tử có lực riêng của nó, cho nên nó không thể không hoạt động”(8).

“Nguyên tử có lực riêng của nó”, đó là một cách diễn đạt khác của phạm trù

(6) Sophie Audidière. *Sa vie*. <http://www.univ-paris7.fr/diderot/presentation/savie.html>

(7) Diderot. *Principes philosophiques sur la matière et le mouvement*. <http://perso.orange.fr/dboudin/Diderot/index.html>

(8) Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô. *Sđđ.*, tr.129.

“năng lượng tự nhiên” (énergie de la nature). Mọi vật trong thế giới này đều có năng lượng tự nhiên (năng lượng với tư cách bản chất, năng lượng có tính tự nhiên), là cái làm cho vật vận động, tác động vào vật khác và qua đó cả vũ trụ vận động và biến đổi. Năng lượng tự nhiên có trong mọi vật thể và hiện tượng, dưới những hình thức khác nhau, có sự chuyển hoá lẫn nhau. Một trong những hình thức của năng lượng tự nhiên ở con người là sự say mê. Như vậy, sự say mê theo cách lý giải của Diderot là một thứ xung năng tự nhiên, hoàn toàn mang tính chất tự nhiên, tức là phi tôn giáo (không thần thánh, không ma quỷ). Sự say mê là một thuộc tính sẵn có của con người, nó khiến cho con người vận động, tiếp xúc, có quan hệ với thế giới, thúc đẩy thế giới cùng vận động và tiến triển.

Diderot luận chứng cho tính chất tự nhiên của sự say mê trước tiên là để chống lại sự áp đặt của tôn giáo, hay nói hẹp hơn là sự áp đặt của giáo lý tôn giáo, của chuẩn mực đạo đức của nhà thờ lên cuộc sống của con người. Tôn giáo thời đó coi say mê là một thứ tội lỗi mà ma quỷ đã đưa lại cho con người, làm cho con người xa rời Chúa; con người cần phải loại bỏ nó mới có thể có một đời sống đức hạnh. Đứng vững trên lập trường tự nhiên chủ nghĩa về mặt đạo đức của mình, Diderot phản đối quan điểm đó của tôn giáo: “Dự định huỷ hoại những say mê là đỉnh cao của sự điên rồ. Cái kế hoạch đẹp đẽ đó của người sùng đạo, đang rất mực bút rút, là để không còn mong ước gì, không còn yêu cái gì, không còn cảm thấy gì, và như vậy nếu kế hoạch thành công người đó sẽ trở thành một

quái vật thật sự”(9). Nghĩa là, say mê là một thứ năng lượng tự nhiên, không thể nào xoá bỏ bằng lý trí hay bằng sự hành xác và cũng không cần phải xoá bỏ nó. Tìm cách kìm hãm hoặc xoá bỏ những say mê, tức là đi ngược lại bản tính tự nhiên, phá vỡ những quy luật tự nhiên và điều đó không thể không mang lại những hậu quả tai hại.

Theo Diderot, say mê nên được tự do thể hiện. Năng lượng tự nhiên – sự say mê – nếu được thể hiện tự do sẽ đưa lại sự cân bằng “tự nhiên” cho con người, đem lại hạnh phúc; và nếu được hướng vào những mục đích tốt đẹp, nó có thể trở thành nguồn gốc của sự sáng tạo và tiến bộ: “chỉ có những sự say mê, hơn thế nữa, những say mê cao cả, mới có thể khiến cho tâm hồn được nâng lên đến những điều vĩ đại. Không có chúng, không có những đỉnh cao, dù là trong phong tục tập quán hay trong đời sống trí thức; nghệ thuật quay lại thừa thãi, và đức hạnh trở thành tẻ nhạt”(10).

Phạm trù sự say mê được sử dụng theo nghĩa tương đương với phạm trù sự nhiệt tình (enthousiasme). Nhiệt tình cũng là hình thức biểu hiện, mang tính tình thần, của năng lượng tự nhiên. Khi nhiệt tình phát lộ, nó sẽ làm cho con người có được một sức mạnh ý chí mà trong những hoàn cảnh thường nhật người ta không thể có; sức mạnh ấy kết hợp với lý trí sáng suốt hoặc tài năng sẽ tạo nên những kết quả không ngờ. Theo Diderot, chỉ có sự nhiệt tình mới tạo nên những bước

(9) Diderot. *Pensées philosophiques*. <http://perso.orange.fr/dboudin/Diderot/index.html>

(10) Diderot. *Pensées philosophiques*. <http://perso.orange.fr/dboudin/Diderot/index.html>

tiến triển vượt bậc trong nghệ thuật, khoa học và triết học. Người đọc tác phẩm *Cháu ông Rameau* sẽ không thể quên được những trường đoạn J.-F.Rameau thể hiện tài năng âm nhạc của mình: “Hắn bắt đầu say sưa và khe khẽ hát. Hắn càng say sưa thì càng cao giọng hơn; tiếp đến là tay chân múa may, nét mặt điệu bộ, thân thể vận vẹo (...). Hắn nhào trộn lung tung với nhau ba chục ca khúc Italia, Pháp, bi kịch, hài kịch, đủ mọi loại tính cách; khi thì bằng giọng trầm trầm, hắn xuống tận âm phủ; khi thì gào lên và cố bắt chước giọng kim, hắn xé toang không trung cao vời vợi, (...). Lúc này hắn là một thiếu nữ đang khóc và hắn diễn tả mọi vẻ nũng nịu; lúc khác hắn là tu sĩ, hắn là ông vua, hắn là bạo chúa, hắn dọa dẫm, hắn ra lệnh, hắn nổi nóng; hắn là nô lệ, hắn tuân lệnh; hắn dịu đi, hắn buồn rầu, hắn than vãn, hắn cười; chẳng bao giờ sai giọng, sai nhịp, sai nghĩa các ngôn từ và sắc thái của ca khúc”(11). Đó là biểu hiện của lòng nhiệt tình cao độ, mà Diderot không giấu giếm sự khâm phục. Lòng nhiệt tình đem lại chất thơ cho cuộc sống, cứu cuộc sống ra khỏi sự tẻ nhạt và buồn chán, mặc dù đôi lúc – thái quá – nó là nguồn gốc của những đau khổ của kẻ mang nó. Ở đây, Diderot tỏ ra là người phân tích tâm lý sâu sắc. Có lẽ vì vậy mà những luận điểm của ông về đạo đức luôn sống động và không bao giờ khô khan.

Trong cảm hứng của Rameau, trong những biểu hiện ấy của lòng nhiệt tình, người ta đọc thấy những dấu hiệu đầu tiên của quan điểm về sự tha hoá (aliénation). Sự tha hoá ở đây được hiểu theo nghĩa lý luận chứ không phải theo sự phán xét thông thường của những chuẩn mực xã

hội – không phải là sự biến chất của đức hạnh. Khi Rameau bị cuốn vào cảm hứng âm nhạc, anh ta quên mất bản thân mình, đặt qua một bên những toan tính, những chua chát của cuộc sống. Rameau lúc đó biến thành một con người khác. Trạng thái ấy, sản phẩm của sự nhiệt tình hay nói rộng hơn, của “năng lượng tự nhiên”, cũng chính là sự “ngoại hoá” của con người – đem những phẩm chất của bản thân đặt vào một sản phẩm “bên ngoài mình” do mình tạo ra – đó là ý nghĩa đầu tiên của “tha hoá” (biến thành cái khác). Trong trường hợp cụ thể này, sự tha hoá được hiểu với ý nghĩa tích cực của nó: con người “ngoại hoá” bản thân để kéo dài sự sống hữu hạn của mình, để làm nên sự vĩnh cửu của phẩm chất của mình, thông qua sự vĩnh cửu của sản phẩm ngoại hoá. Có sự tha hoá này mới có lịch sử và sự phát triển xã hội.

Sau cùng, có thể đặt câu hỏi: những quan điểm như trên về sự say mê rõ ràng là mang tính duy cảm chủ nghĩa, vậy có phải tư tưởng đạo đức của Diderot mang tính duy cảm, đối lập với duy lý như trên đã nói hay không? Trên thực tế, Diderot xuất phát từ đòi hỏi dành cho con người quyền tự do thể hiện “năng lượng tự nhiên”, nhưng không có nghĩa là ông yêu cầu để cho dục vọng tự do buông thả và để cho tình cảm lấn át lý trí. Trong dòng suy tư của Diderot, cái yêu cầu chặt chẽ của tinh thần duy lý – đặt mọi thứ cần thẩm tra dưới ánh sáng nghiêm khắc của lý tính – không bao giờ rời bỏ vị trí trung tâm. Ông viết, ngay sau những lời tán

(11) Diderot. *Cháu ông Rameau* (Phùng Văn Từ dịch). Nxb Tri thức, Hà Nội, 2006, tr.157-158.

dương sự say mê, rằng: “sự thật, độc lập với những ý thích thất thường của tôi, luôn phải là thước đo của những phán đoán của tôi”(12). Không có gì là mâu thuẫn trong những lập luận của Diderot, bởi theo ông, lý trí mà con người có được cũng là một thuộc tính tự nhiên (phi tôn giáo) của con người; do vậy, đặt đối lập giữa lý trí và tình cảm tự nhiên là việc làm hoàn toàn vô lý, vấn đề là phải để chúng vào đúng vị trí của chúng trong tinh thần của con người.

3. Quan niệm về hạnh phúc

Quan niệm về hạnh phúc của Diderot có những nét tương đồng rõ rệt với một nhà triết học Cổ đại, người được C.Mác gọi là “nhà Khai sáng chân chính và nhất quán” – Épicure. Điểm trung tâm trong học thuyết đạo đức của Épicure là coi thú vui là cái thiện, sự đau khổ là cái ác. épicure cổ vũ cho cuộc sống tránh xa những đau khổ và tìm kiếm sự thanh thản cho thể xác hay tâm hồn. Theo ông, mọi hành động đều có thể dẫn đến những hệ quả vui vẻ (tích cực) hay khổ đau (tiêu cực); do vậy, cần phải có lý trí tỉnh táo và sáng suốt với tư cách phương tiện giúp chúng ta phân biệt được những hệ quả đó do hành động của mình. Có được lý trí tỉnh táo thì sẽ có hạnh phúc(13). Đạo đức học Épicure là đạo đức duy lý, ôn hoà và trung dung, nó đã ảnh hưởng trực tiếp đến Diderot khi ông xem xét những vấn đề về hạnh phúc của con người.

Như trên chúng ta đã nói, theo Diderot, việc dùng ý chí để chống lại, kìm hãm sự say mê (năng lượng tự nhiên) của con người luôn đem lại hậu quả tai hại là sự đau khổ trong đời sống hay khủng khiếp hơn là sự lệch lạc về mặt tinh thần

của con người. Nghĩa là, đối với Diderot, chống lại bản tính tự nhiên sẽ đem đến bất hạnh, ngược lại, thuận theo tự nhiên sẽ khiến cho con người đảm bảo được hạnh phúc của mình. Hạnh phúc theo nghĩa tổng quát nhất là trạng thái đạt được do sự thuận theo bản tính tự nhiên. Quan điểm như vậy hoàn toàn nhất quán với ý kiến về nguồn gốc tự nhiên của đạo đức và những luận điểm về sự say mê và năng lượng tự nhiên.

Cụ thể hoá hơn nữa luận điểm hạnh phúc là thuận theo bản tính tự nhiên, Diderot viết: “*Hạnh phúc* là từ dùng để chỉ [trạng thái mà ở đó] cái thiện đến với chúng ta và cái ác rời bỏ chúng ta”. Hạnh phúc là trạng thái chúng ta có được cái thiện, và cái thiện được định nghĩa “hoặc là *thú vui* đem lại cho ta hạnh phúc, hoặc là *nguyên nhân của thú vui*”(14). Như vậy, hạnh phúc có một quan hệ chặt chẽ với thú vui. Hạnh phúc là có được thú vui và bỏ xa được đau khổ. Luận điểm này đặc biệt tương đồng với tư tưởng của Épicure.

Tuy nhiên, nếu chỉ kết luận đơn giản “hạnh phúc là thuận theo bản tính tự nhiên” nghĩa là có được thú vui và vứt bỏ được đau khổ, thì con người có lẽ không khác gì các loài vật khác trong hoạt động sống, thậm chí con vật còn hạnh phúc hơn vì những gì chúng làm đều thuần túy là “thuận theo tự nhiên”. Diderot, cũng

(12) Diderot. *Pensées philosophiques*. <http://perso.orange.fr/dboudin/Diderot/index.html>

(13) Ataraxie – “hạnh phúc” trong tư tưởng của Épicure, trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là sự thiếu vắng của mê lầm, tức sự sáng suốt.

(14) Diderot et D'Alembert. *Encyclopédie ou Dictionnaire raisonné des sciences, des arts et des métiers*. <http://portail.atilf.fr/encyclopedie/Formulaire-de-recherche.htm>

như những nhà Khai sáng khác, những người nhân văn chủ nghĩa luôn đề cao con người, không bao giờ để lý luận rơi vào tình trạng ấy. Qua những phân tích về thú vui, ta phân biệt được hạnh phúc của con người với trạng thái thoả mãn của loài vật.

Trong mục từ “Sự vui thú” (Plaisir) (*Bách khoa toàn thư*), người ta đọc thấy: “Sự vui thú là một cảm giác của tâm hồn đem lại cho chúng ta hạnh phúc ít nhất là trong khoảng thời gian mà chúng ta tận hưởng nó (...). Nếu chỉ qua vận động, tự nhiên dẫn dắt vật chất, thì cũng chỉ qua sự vui thú mà tự nhiên dẫn dắt con người”(15). Sự vui thú là một cảm giác rất tự nhiên của con người, do tự nhiên mang lại cho con người. Các thú vui được tác giả mục từ này phân thành 4 loại: 1) thú vui gắn với sự rèn luyện thân thể mà không làm cho thân thể bị yếu đi; 2) thú vui gắn với hoạt động của tinh thần, những thú vui mang tính tinh thần, sự hoạt động của trí óc sáng suốt mà không đến mức rơi vào trạng thái khủng hoảng; 3) những thú vui của trái tim (những tình cảm đẹp đẽ của con người như tình yêu, tình bạn, lòng trắc ẩn); 4) thú vui gắn với sự hoàn thành nhiệm vụ của người đối với Chúa, đối với bản thân mình và người khác.

3 trong số 4 loại thú vui trên đây là thuộc về lĩnh vực tinh thần (không mang tính thể chất hay bản năng). Qua đó có thể thấy, rõ ràng, đối với các nhà Khai sáng việc khẳng định thú vui mang lại hạnh phúc cho con người hoàn toàn không làm con người bị hạ xuống cùng bậc với loài vật trong tự nhiên. Trạng

thái hạnh phúc mà con người có được chủ yếu thông qua hoạt động của tinh thần. Ở đây, các nhà Khai sáng vừa đứng vững trên lập trường tự nhiên chủ nghĩa khi lập luận về những thú vui thể chất (tự nhiên trong trường hợp Khai sáng luôn được dùng trong sự đối lập với thần thánh chứ không phải với xã hội hay “nhân tạo” L.M.V.); vừa thể hiện quan điểm nhân văn chủ nghĩa rõ rệt khi không ngừng hướng tới nhân cách của con người, đề cao tinh thần con người với tư cách cái làm cho con người khác hẳn và hơn hẳn toàn bộ giới tự nhiên còn lại.

Hoàn toàn đồng tình với quan điểm của tác giả của mục từ “Sự vui thú” như trên (có lẽ chỉ khác biệt ở quan niệm về Chúa, trong loại thú vui thứ 4), Diderot cũng nhiều lần nói về các cảm giác vui sướng của con người – những cảm giác mang lại hạnh phúc. Thông qua nhân vật “Tôi” trong *Cháu ông Rameau*, Diderot cũng có sự phân biệt giữa hai loại thú vui mang tính cảm giác thể chất và mang tính tinh thần: “Tôi không khinh bỉ những thú vui vật chất (...). Nhưng tôi thấy thú vị hơn rất nhiều khi đã cứu giúp được một kẻ nghèo khổ, đã hoàn thành được một công việc gai góc, đã khuyên được một lời khuyên bổ ích, đã đọc được một quyển sách hay, đã dạo chơi với một người đàn ông hoặc một người phụ nữ thân thiết với lòng mình, đã có vài tiếng đồng hồ bảo ban con cái, đã viết được một

(15) Diderot et D'Alembert. *Encyclopédie ou Dictionnaire raisonné des sciences, des arts et des métiers*. <http://portail.atilf.fr/encyclopedie/Formulaire-de-recherche.htm>

trang sách suôn sẻ, đã làm tròn những bốn phần của cương vị tôi, đã nói với người tôi yêu một số lời âu yếm dịu dàng”(16). Khi nhân vật “Tôi” thực hiện được những công việc mà ông gọi là thú vui, thì ông đạt được trạng thái hạnh phúc. Ta nhận thấy mối quan hệ rõ rệt giữa hạnh phúc và sự vui thú, thông qua việc Diderot cũng như những nhà Khai sáng khác đã sử dụng sự vui thú để nói về hạnh phúc.

Ở đây, cũng đặt ra một vấn đề tương tự khi ta xem xét quan niệm của Diderot về sự say mê: hạnh phúc với tư cách trạng thái vui sướng có được khi con người có những thú vui (dù vật chất hay tinh thần), nghĩa là hạnh phúc được nhìn nhận bằng con mắt duy cảm chủ nghĩa – lấy cảm giác làm nền tảng để phán xét, vậy tại sao lại coi tư tưởng của Diderot về đạo đức là duy lý chủ nghĩa? Bởi vì, trạng thái vui sướng ấy chỉ có được thông qua những phán xét của “lý trí sáng suốt” – trước khi yêu thích cái gì phải biết cái đó là gì đã. Lý trí này có thể không có hình thức đặc trưng – những suy tư cụ thể, mang tính lý luận, mà chỉ là những hình thức thông thường như sự đánh giá, sự xác định, sự nhìn nhận, v.v.. Có thể thấy tinh thần duy lý ẩn sâu dưới mọi vấn đề, kể cả trong những vấn đề tưởng chừng thuần túy thuộc về xúc cảm.

Trong trích dẫn trên về những thú vui mà Diderot nói đến, ta thấy những thú vui mang tính tinh thần đó còn có thể được gọi bằng một cái tên khác – “đức hạnh”. Như vậy, rõ ràng có một mối liên hệ đặc biệt giữa hạnh phúc, thú vui và đức hạnh trong các quan niệm đạo đức

của Diderot.

Đức hạnh là phẩm chất chỉ có ở con người, biểu hiện sự hoàn thành những chuẩn mực đạo đức được xã hội thừa nhận. Nếu việc xây dựng hệ thống những chuẩn mực đạo đức là mục tiêu của mỗi lý luận đạo đức học, thì đức hạnh là mục tiêu của mỗi nền đạo đức xã hội. Trong xã hội có nhiều người đức hạnh, nghĩa là xã hội đó có đạo đức. Tất nhiên vì chuẩn mực là xác định, có tính cụ thể đối với mỗi thời đại và mỗi nền văn hoá, nên người đức hạnh cũng được quan niệm một cách xác định và cụ thể.

Dù đức hạnh có được nhìn nhận như thế nào (dưới ảnh hưởng của thể giới quan nào) thì nó cũng đều bao hàm “sức mạnh của ý chí” dùng để bảo vệ hoặc tuân thủ một hệ giá trị, một hệ thống chuẩn mực được coi là cái thiện. Tác giả của mục từ “Đức hạnh” trong *Bách khoa toàn thư* đã viết: “người ta biết rằng từ *đức hạnh* tương ứng, trong nghĩa ban đầu của nó, với từ *sức mạnh* và *lòng dũng cảm*; trên thực tế, nó chỉ phù hợp với những người, yếu ớt trong bản tính tự nhiên, tỏ ra mạnh mẽ qua ý chí của mình, tự chiến thắng bản thân (...); trong vài từ có thể nói rằng [đức hạnh] là sự bảo vệ chắc chắn đối với những luật lệ ràng buộc chúng ta, ở phương diện nào đó mà con người coi trọng”(17). Đức hạnh, vì vậy, thường tạo ấn tượng cứng rắn, nghiêm nghị và thậm chí là

(16) Diderot. *Cháu ông Rameau*, Sdd., tr.89-90.

(17) Diderot et D'Alembert. *Encyclopédie ou Dictionnaire raisonné des sciences, des arts et des métiers*. <http://portail.atilf.fr/encyclopedie/Formulaire-de-recherche.htm>

khắc khổ. Những ấn tượng này trái ngược với cái gọi là thú vui.

Tuy thế, trong tư tưởng đạo đức của Diderot, đức hạnh và thú vui lại có một quan hệ hỗ tương rõ rệt. Trên thực tế, mối quan hệ này hoàn toàn hợp lý và buộc phải tồn tại. Bởi nếu không có quan hệ với đức hạnh, thú vui sẽ chỉ dừng lại ở sự thoả mãn những nhu cầu thể chất mang tính sinh học. Có mối quan hệ này, hạnh phúc mới thực sự mang tính người. Ngược lại, khi coi đức hạnh là thú vui, người ta sẽ có cảm giác tính chất nghiêm khắc của đức hạnh “mềm” lại, đức hạnh được đưa vào lĩnh vực cảm giác (chứ không chỉ thuần túy ý chí nữa) thì khả năng thực hiện đức hạnh sẽ càng cao hơn. Diderot đã diễn đạt tư tưởng này một cách ngắn gọn: “Chỉ có một bốn phần, đó là được hạnh phúc”.

4. Tác động của xã hội đối với các vấn đề đạo đức

Diderot, cũng như các nhà tư tưởng khác trong thời kỳ Khai sáng, luôn lấy “bản tính tự nhiên” của con người làm điểm tựa để xem xét các vấn đề nhân sinh, trong đó có các vấn đề đạo đức. Nhưng sẽ thật sai lầm nếu từ đó mà cho rằng họ quay lưng lại với xã hội, chủ trương xa lánh xã hội để “quay về với tự nhiên”. Ngược lại, các nhà Khai sáng là những người cổ vũ nồng nhiệt cho tính xã hội của con người, cho một xã hội hài hoà và bình đẳng, trong đó con người có thể phát huy hết bản tính tự nhiên của mình. Họ đặc biệt quan tâm đến các vấn đề xã hội, không chỉ lý luận về chúng, mà còn thật sự tham gia giải quyết chúng. Như vậy, “bản tính tự nhiên” được các nhà

Khai sáng luận chứng và bảo vệ nhằm thoát khỏi “bản tính thần thánh” và ảnh hưởng của nhà thờ Thiên Chúa giáo lúc đó, chứ không phải để đặt đối lập với “bản tính xã hội”.

Từ đó, ta có thể khẳng định rằng, mặc dù Diderot xuất phát từ bản tính tự nhiên của con người để giải thích các vấn đề đạo đức và xây dựng lý luận về đạo đức, nhưng đạo đức học của ông không phải là thứ đạo đức học tự nhiên chủ nghĩa hay khoái lạc chủ nghĩa coi mọi chuẩn mực đạo đức chỉ là tuân theo tiếng gọi của tự nhiên, của bản năng. Trong quan niệm của Diderot, xã hội có một ảnh hưởng rõ rệt đối với đạo đức – đạo đức cá nhân, những chuẩn mực đạo đức, các đánh giá đạo đức, v.v..

Đến đây, ta quay lại vấn đề “tha hoá” đã được đề cập ở trên. Nhìn từ góc độ xã hội, “tha hoá” có thể được hiểu là sự tách biệt giữa bản thân con người và sự thể hiện của mỗi người trong xã hội – thông qua vai trò mà xã hội yêu cầu. Con người khi tham gia vào đời sống xã hội, ở mỗi thời điểm, mỗi cương vị lại phải thực hiện một vai trò khác nhau. Xã hội xem xét và đánh giá con người – về phẩm chất, về đạo đức – thông qua việc người ta thực hiện các vai trò đó như thế nào. Sự tha hoá, theo nghĩa tiêu cực, xảy ra khi các vai trò mà con người phải đóng không tương hợp với bản chất thật của con người. Đối với những người không đủ nghị lực và khả năng phản tư, bản chất của họ sẽ dần biến đổi để phù hợp với những yêu cầu đối với những vai trò của họ, và điều này sẽ mang ý nghĩa tai hại trong những hoàn cảnh xã hội đảo lộn và

biến chất, như thời kỳ trước Cách mạng 1789 ở Pháp.

Tất nhiên, trong những tác phẩm của Diderot không có dòng nào đề cập đến vấn đề tha hoá (chỉ đến Hêghen, “tha hoá” mới trở thành một vấn đề của suy tư triết học). Nhưng rõ ràng có một sự tương hợp rất lớn giữa những lý luận đó với quan điểm của Diderot, đúng như M.Skrzypek đã nhận xét: “mỗi người muốn “tự ý” hành động, và tìm kiếm tính đồng nhất của mình, đều phải thực hiện vai trò của một “người khác”. Và từ đó dẫn đến cái cảm xúc về sự chia cắt nội tại và sự tha hoá. Hiện tượng tha hoá mang tính xã hội đó được miêu tả bằng những khái niệm “bản chất” [être] và “bề ngoài” [paraêtre]. Diderot cũng sử dụng ở đây một nhóm những khái niệm phụ trợ xung quanh sự ẩn dụ ban đầu về “hài kịch thế giới”. Từ đó, xã hội biểu hiện với Diderot như là một cảnh trên sân khấu, nơi mà những diễn viên xuất hiện ẩn mình sau mặt nạ, múa may những điệu bộ kịch câm và diễn vai những kẻ điên”(18). Xem xét những tác phẩm văn chương của Diderot, người ta thấy rõ hình ảnh của sân khấu cuộc đời ấy, với vô vàn những vai hài kịch và bi kịch, nơi mà số lượng người đóng những vai đúng với bản chất của mình có thể đếm trên đầu ngón tay.

Nhìn ra những nét bi kịch và hài kịch của cuộc đời, nhưng Diderot, chịu ảnh hưởng của không khí chung của thời đại, luôn vững tin vào sự tiến bộ và tương lai tốt đẹp. Cái nhìn lạc quan ấy ảnh hưởng đến vấn đề về tác động của xã hội đối với đạo đức, dưới hình thức này: nếu xã hội có thể khiến con người thay đổi bản chất

tự nhiên tốt đẹp của mình, thì ngược lại chính xã hội, từ những góc độ khác, có thể cải hoá con người, thông qua những hoàn cảnh tốt đẹp và giáo dục. Việc Diderot dành một phần lớn thời gian của đời mình, chịu rất nhiều nỗi vất vả và cực nhọc, để tập hợp các nhà trí thức biên soạn và cho xuất bản bộ *Bách khoa toàn thư*, là một minh chứng hùng hồn nhất cho niềm tin mạnh mẽ ấy.

Xưa nay trong lịch sử triết học, hiếm có triết gia lớn nào, trong hệ thống học thuyết của mình, lại không bàn về vấn đề đạo đức – một lĩnh vực đặc biệt người. Diderot không phải ngoại lệ. Trong số lượng đồ sộ những tác phẩm của ông, người ta có thể tìm thấy, khi thì tập trung khi thì rải rác, ý kiến của nhà triết học về những vấn đề đạo đức – nguồn gốc phi tôn giáo của đạo đức, về hạnh phúc, thú vui, về sự say mê, về đức hạnh, v.v.. Trong lịch sử phong trào Khai sáng, Diderot không thuộc phái những nhà đạo đức học (moralistes) – một phái riêng biệt với những nhân vật tiêu biểu như Vauvenargue hay Chamfort –, và trên thực tế ông cũng không có tác phẩm nào chuyên bàn về đạo đức học hay các lý luận đạo đức. Tuy vậy, những tư tưởng đạo đức của Diderot đã đóng vai trò gợi mở rất lớn cho nhiều nhà triết học lớn sau này, trong đó có Hêghen và C.Mác. □

(18) Marian Skrzypek. *Les catégories centrales dans la philosophie de Diderot*. <http://rde.revues.org/index.html>